UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐẠI ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 155 /BC-UBND	*Đại Đồng, ngày 23 tháng 04 năm 2026*

BÁO CÁO
Tổng kết thi hành Nghị định số 56/2017/NĐ-CP trên địa bàn xã Đại Đồng

Thực hiện Công văn số 2130/SYT-CCDS&TE ngày 17/04/2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên về việc phối hợp xây dựng báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 56/2017/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Công tác chỉ đạo, ban hành văn bản

UBND xã đã kịp thời ban hành các Quyết định, Kế hoạch hành động vì trẻ em hàng năm; chỉ đạo các phòng ngành chuyên môn (Phòng Văn hóa - Xã hội, Văn phòng HĐND&UBND, Trạm Y tế) tổ chức lồng ghép các nội dung của Nghị định 56 vào nhiệm vụ thường xuyên.

2. Công tác tuyên truyền

- Hệ thống đài truyền thanh: Duy trì chuyên mục "Pháp luật và đời sống" hàng tuần, dành thời lượng phát sóng các bài viết về quyền trẻ em, các quy định tại Nghị định 56/2017/NĐ-CP, đặc biệt là các nội dung về phòng chống xâm hại và bạo lực học đường vào khung giờ cao điểm khi công nhân đi làm về.

- Phối hợp với Trường học trên địa bàn tổ chức các buổi ngoại khóa "Trẻ em với quyền của mình", giúp các em nhận diện các tình huống nguy hiểm và cách tìm kiếm sự trợ giúp (đường dây nóng 111, cán bộ văn hóa xã, Trạm Y tế).

- Phát huy vai trò của đội ngũ cộng tác viên dân số, y tế thôn trong việc "đi từng ngõ, gõ từng nhà", đặc biệt chú trọng tới các gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn, gia đình tạm trú để nắm bắt tâm tư và tuyên truyền trực tiếp.

- Lồng ghép nội dung Nghị định 56 vào tiêu chí bình xét "Gia đình văn hóa", "Thôn văn hóa". Việc chấp hành tốt các quy định về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trở thành một trong các chỉ số đánh giá thi đua định kỳ của các thôn.

3. Công tác phối hợp liên ngành

- Với Trạm Y tế xã: UBND xã chỉ đạo các thôn/tổ dân phố phối hợp với cán bộ y tế thực hiện chiến dịch tiêm chủng mở rộng, cho trẻ uống Vitamin A và khám sức khỏe định kỳ cho học sinh tại các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn. Phối hợp theo dõi, lập hồ sơ quản lý trẻ em suy dinh dưỡng, đặc biệt là trẻ em tại các hộ nghèo.

- Với các Nhà trường: Duy trì mối liên hệ giữa UBND xã, Hội Khuyến học và Ban giám hiệu các trường để nắm bắt sĩ số, kịp thời vận động các trường hợp trẻ em có nguy cơ bỏ học quay lại trường. Phối hợp tổ chức các buổi ngoại khóa về kỹ năng sống, phòng chống bạo lực học đường và xâm hại tình dục trẻ em.

- Phối hợp trong việc quản lý cư trú, rà soát đối tượng trẻ em là con em người lao động nhập cư, trẻ em tạm trú tại các khu nhà trọ để đảm bảo các em được hưởng đầy đủ quyền lợi về y tế và giáo dục tại địa phương.

- Với Hội Phụ nữ: Triển khai mô hình "Mẹ đỡ đầu", "Gia đình 5 không, 3 sạch", phối hợp giám sát việc thực hiện quyền trẻ em tại gia đình; phát hiện sớm các nguy cơ bạo lực gia đình ảnh hưởng đến trẻ em.

- Với Đoàn Thanh niên: Là đơn vị nòng cốt trong việc tiếp nhận và tổ chức các hoạt động hè cho thiếu nhi tại khu dân cư. Phối hợp tổ chức các lớp dạy bơi, các giải bóng đá, sinh hoạt văn hóa văn nghệ nhằm tạo sân chơi an toàn, lành mạnh cho trẻ.

- Với Hội Cựu chiến binh và Hội Người cao tuổi: Phát huy vai trò của người uy tín trong dòng họ, cộng đồng để giáo dục đạo đức, lối sống và truyền thống cho trẻ em; tham gia hòa giải các mâu thuẫn gia đình có liên quan đến quyền lợi của trẻ.

II. KẾT QUẢ THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, ĐÁNH GIÁ ƯU ĐIỂM, BẤT CẬP, HẠN CHẾ CỦA VĂN BẢN

1. Kết quả thực hiện

a, Công tác bảo vệ trẻ em: 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hưởng trợ cấp xã hội đầy đủ. Không để xảy ra vụ việc bạo lực, xâm hại trẻ em nghiêm trọng trên địa bàn.

b, Công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em

- Tiêm chủng: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vaccine đạt 100%

- Khám chữa bệnh: 100% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT và tiếp cận dịch vụ khám chữa bệnh miễn phí tại Trạm Y tế xã. Tổ chức uống Vitamin A cho trẻ từ 6 - 36 tháng tuổi đạt 100%.

c, Công tác giáo dục trẻ em

- Phổ cập giáo dục: 100% trẻ 5 tuổi được huy động ra lớp mẫu giáo; 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1.

- Chất lượng giáo dục: Không có học sinh tiểu học và THCS bỏ học giữa chừng (trừ lý do sức khỏe). Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

- Khuyến học: Quỹ khuyến học xã đã khen thưởng cho 30 em học sinh có thành tích xuất sắc.

d, Điều kiện vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, thông tin, truyền thông cho trẻ em.

- Tại các trường mầm non trên địa bàn xã, đều bố trí các khu vui chơi cho trẻ em.

- Hoạt động hè: Tổ chức thành công các giải bóng đá/văn nghệ thiếu nhi cấp xã, thu hút các trẻ em trên địa bàn xã tham gia sinh hoạt hè.

đ, Trẻ em tham gia vào các vấn đề trẻ em

- Đổi mới nội dung sinh hoạt dưới cờ bằng cách lồng ghép các chuyên đề về quyền và bổn phận của trẻ em. Thông qua đó, tạo không gian để học sinh (đặc biệt là khối lớp 8, 9) trực tiếp tham gia thảo luận, trình bày quan điểm về các vấn đề liên quan đến mình, góp phần nâng cao nhận thức và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trong môi trường học đường.

2. Đánh giá ưu điểm

- Hành lang pháp lý đồng bộ: Nghị định 56/2017/NĐ-CP ra đời đã cụ thể hóa Luật Trẻ em năm 2016, tạo ra một quy trình vận hành rõ ràng từ khâu tiếp nhận thông tin đến can thiệp, hỗ trợ. Điều này giúp cán bộ cơ sở không còn lúng túng khi xác định thẩm quyền xử lý.

- Xác định rõ vai trò của cấp cơ sở: Nghị định quy định chi tiết trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã và mạng lưới bảo vệ trẻ em cấp cơ sở. Đây là điểm mấu chốt giúp địa phương huy động được sức mạnh tổng hợp của các đoàn thể (Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Công an xã).

- Tăng cường quyền tham gia của trẻ em: Các quy định về việc lắng nghe ý kiến trẻ em trong các quyết định liên quan đến trẻ đã được triển khai thực chất hơn thông qua các buổi đối thoại, hộp thư góp ý tại các trường học trên địa bàn xã.

3. Bất cập và hạn chế

- Quy định về việc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường nguy cơ (gia đình có bạo lực) đôi khi gặp khó khăn do thiếu các cơ sở lưu trú tạm thời tại cấp xã hoặc các trung tâm bảo trợ xã hội thường ở xa, gây gián đoạn trong việc bảo vệ ngay lập tức;

- Việc phân định ranh giới giữa "biện pháp giáo dục của gia đình" và "hành vi bạo lực mức độ nhẹ" vẫn còn cảm tính, gây khó khăn cho cán bộ khi đến vận động, xử lý tại các hộ gia đình (đặc biệt là trong các khu dân cư truyền thống, làng nghề).

- Nghị định chủ yếu tập trung vào các biện pháp bảo vệ trẻ em ở môi trường thực tế. Trong khi đó, các quy định về trách nhiệm kiểm soát, xử lý và hỗ trợ trẻ em bị bắt nạt, xâm hại trên môi trường mạng còn khá chung chung, chưa có chế tài đủ mạnh đối với các hành vi vi phạm trên không gian số.

- Dù Nghị định quy định nhiệm vụ rất cụ thể nhưng nguồn kinh phí đặc thù cho công tác này tại cấp xã chưa được tách bạch rõ ràng, chủ yếu lồng ghép vào kinh phí sự nghiệp xã hội chung, dẫn đến việc triển khai các chương trình hỗ trợ chuyên sâu bị hạn chế.

- Việc theo dõi biến động trẻ em (đặc biệt là con em công nhân tạm trú tại 26 thôn) còn gặp khó khăn do dữ liệu chưa được liên thông hoàn toàn giữa ngành Y tế (quản lý tiêm chủng), Giáo dục (quản lý học tập) và Công an (quản lý cư trú).

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Một số khó khăn, tồn tại, hạn chế

- Tình trạng "Trẻ em bị bỏ lại": Do đặc thù kinh tế, nhiều cha mẹ đi làm ăn xa tại các khu công nghiệp, gửi con cho ông bà già yếu chăm sóc. Việc thiếu sự dạy dỗ, giám sát trực tiếp từ cha mẹ khiến trẻ dễ bị tổn thương, lệch lạc về tâm lý và có nguy cơ cao bị tai nạn thương tích hoặc bị xâm hại.

- Xâm hại trên không gian mạng: Trẻ em tiếp cận với điện thoại thông minh và mạng xã hội từ sớm nhưng thiếu kỹ năng tự bảo vệ. Tình trạng bắt nạt qua mạng, tiếp cận nội dung độc hại (bạo lực, hở hang) đang gia tăng nhưng chính quyền cấp xã và phụ huynh còn lúng túng trong việc quản lý và định hướng.

- Hệ lụy về sức khỏe tâm thần: Tình trạng trẻ em "nghiện" game, mạng xã hội dẫn đến các vấn đề về thị lực, mất ngủ và giảm tương tác trực tiếp, gây khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động sinh hoạt hè truyền thống.

- Tính hình thức trong một số hoạt động: Việc lấy ý kiến trẻ em (quyền tham gia) đôi khi còn mang tính sắp đặt, chưa thực sự lắng nghe được những tâm tư nguyện vọng thầm kín hoặc thực tế từ nhóm trẻ em yếu thế.

- Cán bộ làm công tác trẻ em ở cấp xã chủ yếu là kiêm nhiệm, khối lượng công việc lớn nên kỹ năng chuyên sâu về tâm lý trẻ em còn hạn chế.

- Việc huy động nguồn lực xã hội hóa cho các hoạt động vui chơi, giải trí an toàn cho trẻ tại các thôn công nghiệp còn gặp nhiều thách thức.

2. Nguyên nhân

- Nguồn kinh phí ngân sách cho công tác trẻ em còn hạn chế.

- Sự nhận thức của một bộ phận phụ huynh (đặc biệt là công nhân tại các khu công nghiệp) về việc dành thời gian chăm sóc con cái vẫn còn hạn chế.

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG THỰC TIỄN

1. Nguy cơ xâm hại và mất an toàn trên môi trường mạng

- Thực trạng: Sự bùng nổ của điện thoại thông minh và mạng xã hội khiến trẻ em tiếp cận không gian mạng từ rất sớm. Phát sinh tình trạng bắt nạt trực tuyến (cyberbullying), lừa đảo qua mạng và tiếp xúc với các nội dung độc hại, lệch lạc về hành vi.

- Vấn đề: Các quy định hiện tại của Nghị định chủ yếu tập trung vào bảo vệ trẻ em ở môi trường thực tế (offline). Việc xác định danh tính, hành vi và quy trình can thiệp hỗ trợ trẻ em bị xâm hại trên môi trường ảo còn gặp nhiều rào cản về kỹ thuật và thẩm quyền của cấp xã.

2. Áp lực chăm sóc trẻ em tại các khu vực biến động dân cư lớn (Khu công nghiệp)

- Thực trạng: Với 27 thôn tập trung đông công nhân, phát sinh mô hình "gia đình khuyết thiếu tạm thời" – cha mẹ đi làm ca kíp, tăng ca thường xuyên, trẻ em phải ở nhà một mình hoặc gửi tại các nhóm trẻ tự phát không đủ điều kiện an toàn.

- Vấn đề: Xuất hiện tình trạng "bỏ rơi trẻ em ngay trong chính ngôi nhà của mình" do thiếu sự giám sát của người lớn.

3. Vấn đề sức khỏe tâm thần và tâm lý học đường sau các biến cố xã hội

- Thực trạng: Áp lực học tập cùng với sự thay đổi cấu trúc gia đình (ly hôn, cha mẹ đi làm xa) dẫn đến gia tăng các rối loạn tâm lý ở trẻ em như trầm cảm, lo âu, thậm chí có ý tưởng tự hủy hoại bản thân.

- Vấn đề: Nghị định 56 đã đề cập đến hỗ trợ tâm lý nhưng thực tế tại địa phương thiếu hẳn mạng lưới chuyên gia hoặc cán bộ có chuyên môn về trị liệu tâm lý. Y tế cơ sở (Trạm Y tế) hiện mới chỉ đáp ứng được việc thăm khám thể chất, chưa có chức năng can thiệp sức khỏe tâm thần chuyên sâu.

4. Lao động trẻ em trong kinh tế hộ gia đình và làng nghề

- Thực trạng: Tại làng nghề truyền thống, các doanh nghiệp, việc trẻ em tham gia phụ giúp gia đình, làm thời vụ tại các doanh nghiệp là phổ biến. Tuy nhiên, ranh giới giữa "truyền nghề" và "lạm dụng sức lao động trẻ em" trong các công đoạn độc hại (tiếp xúc hóa chất, khói bụi, nhiệt độ cao) vẫn chưa được phân định rõ.

- Vấn đề: Các tiêu chí đánh giá về "môi trường lao động an toàn cho trẻ em" tại các làng nghề, doanh nghiệp còn chung chung, gây khó khăn cho công tác kiểm tra, nhắc nhở của cán bộ cơ sở đối với các hộ sản xuất cá thể, các doanh nghiệp.

5. Quyền tham gia của trẻ em trong kỷ nguyên số

- Thực trạng: Trẻ em hiện nay có nhu cầu thể hiện quan điểm rất lớn qua các nền tảng số, nhưng các kênh tiếp nhận ý kiến chính thống của chính quyền vẫn chủ yếu qua văn bản hoặc họp hành truyền thống.

- Vấn đề: Thiếu một cơ chế chính thức để trẻ em đóng góp ý kiến vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thông qua các ứng dụng số, khiến tiếng nói của các em đôi khi bị bỏ ngỏ.

V. KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP ĐỂ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THI HÀNH

1. Nhóm giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách

- Bổ sung quy định về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng: Kiến nghị Chính phủ và các Bộ ngành nghiên cứu, bổ sung các chế tài cụ thể đối với hành vi xâm hại trẻ em trên môi trường mạng; quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông và nền tảng số trong việc phối hợp với chính quyền địa phương để xử lý thông tin độc hại.

- Định nghĩa rõ ràng về ranh giới bạo lực: Cần có văn bản hướng dẫn chi tiết hơn để phân biệt giữa quyền giáo dục trẻ em của cha mẹ và các hành vi bạo lực/xâm hại, giúp cán bộ cơ sở có căn cứ pháp lý vững chắc khi can thiệp vào các vụ việc tại hộ gia đình.

- Cơ chế kinh phí đặc thù: Kiến nghị Hội đồng nhân dân các cấp xem xét bố trí nguồn kinh phí riêng biệt cho công tác bảo vệ trẻ em cấp xã (thay vì lồng ghép chung vào kinh phí xã hội), đặc biệt là kinh phí hỗ trợ khẩn cấp cho trẻ em cần được bảo vệ đặc biệt.

2. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành

- Chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ: Xây dựng lộ trình đào tạo, cấp chứng chỉ kỹ năng chuyên sâu (tâm lý, tham vấn, kỹ năng sơ cứu) cho cán bộ làm công tác trẻ em. Có chính sách hỗ trợ phụ cấp thỏa đáng cho đội ngũ cộng tác viên tại các thôn, xóm để duy trì tính ổn định của mạng lưới bảo vệ trẻ em cơ sở.

- Xây dựng mô hình "Ngôi nhà an toàn" và "Cổng trường an toàn": Nhân rộng các mô hình tự quản tại 27 thôn; phối hợp với các chủ nhà trọ ký cam kết đảm bảo môi trường sống an toàn, không có tệ nạn và bạo lực đối với trẻ em tạm trú.

- Tăng cường kiểm tra chuyên đề tại các làng nghề: Tổ chức các đợt rà soát, kiểm tra điều kiện lao động tại các hộ sản xuất làng nghề truyền thống để kịp thời phát hiện và ngăn chặn việc trẻ em tham gia vào các công đoạn độc hại, nặng nhọc.

3. Nhóm giải pháp về chuyển đổi số và truyền thông hiện đại

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số liên thông: Kiến nghị cấp trên đầu tư hệ thống quản lý dữ liệu trẻ em dùng chung giữa các ngành: Y tế (quản lý sức khỏe, tiêm chủng), Giáo dục (quản lý học tập) và Công an (quản lý cư trú). Điều này giúp xã Đại Đồng quản lý chặt chẽ biến động của nhóm trẻ em là con công nhân tạm trú.

- Đổi mới kênh tiếp nhận thông tin: Phát triển các tính năng tiếp nhận phản ánh về xâm hại trẻ em qua ứng dụng "Công dân số" hoặc các kênh Zalo Official Account của xã để trẻ em và người dân có thể gửi thông tin, hình ảnh, video phản ánh một cách nhanh chóng và bảo mật.

- Tuyên truyền "trúng đích": Chuyển dịch từ tuyên truyền đại trà sang tuyên truyền theo nhóm đối tượng. Ví dụ: Tổ chức các buổi thảo luận chuyên đề cho cha mẹ là công nhân về kỹ năng "làm bạn cùng con trong kỷ nguyên số" ngay tại nhà trọ hoặc nhà văn hóa thôn.

4. Giải pháp về y tế và tâm lý

Phát huy vai trò của Trạm Y tế xã: Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế cơ sở trong việc nhận diện sớm các dấu hiệu trẻ em bị bạo hành, xâm hại tình dục hoặc các biểu hiện trầm cảm, rối loạn tâm lý để kịp thời chuyển tuyến hoặc tư vấn sơ bộ.

Trên đây là báo cáo tổng kết thi hành Nghị định 56/2017/NĐ-CP trên địa bàn xã Đại Đồng. Ủy ban nhân dân xã Đại Đồng trân trọng báo cáo Sở Y tế, Chi cục Dân số và Trẻ em./.

Nơi nhận:
- Sở Y tế tỉnh;
- Chi cục Dân số và Trẻ em tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy – HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ ĐẠI ĐỒNG THỤNG YÊN

Trần Văn Thành